

TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc.

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/7/2020.

V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ, TỈNH THANH HOÁ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Hưng và Ông Lê Dũng Tấn

Thư ký phiên toà: Bà Phùng Thị Tố Loan - Thư ký Tòa án Thiệu Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 07 năm 2020 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2020 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14 ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A - Sinh năm 1989

Nơi ĐKKHKT: Thôn 3, Xã Thiệu V, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đồng M, xã Minh T, Huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Lê Đình T - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 3, Xã Thiệu V, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Lê Đình T xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại UBND xã Thiệu M (nay là xã Minh T), Huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi cưới vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống trong việc chăm sóc con cái cũng như làm ăn kinh tế. Anh T tự thiếu trách nhiệm, không chăm lo cho vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm, thiếu tôn trọng nhau, cuộc sống không có tiếng nói chung, không hạnh phúc. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân anh T từ tháng 4 năm 2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Đình Q, sinh ngày 29/8/2018. Hiện nay cháu Q đang ở với chị. Do con còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Lê Đình T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị A tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 02 tháng 10 năm 2017 tại UBND xã Thiệu Minh (nay là xã Minh Tâm), Huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

Trong cuộc sống vợ chồng thi thoảng có xảy ra va chạm, cãi nhau và một đôi lần vì tức giận không kiềm chế được nên vợ chồng có xô sát với nhau nhưng xong rồi lại thôi. Anh cho rằng những va chạm đó là do vợ chồng còn trẻ, thời gian chung sống chưa dài nên chưa hiểu hết về nhau chứ không phải là mâu thuẫn gì lớn. Nay chị Anh làm đơn ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những va chạm nhỏ hàng ngày và sự tự ái cá nhân của cả hai. Anh vẫn còn yêu thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Đình Q, sinh ngày 29/8/2018. Nếu phải ly hôn anh không đồng ý giao con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, không đồng ý đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) như chị A đề nghị. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành, không yêu cầu chị A đóng góp nuôi con chung cùng anh.

Trường hợp Tòa án giao con cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng anh sẽ chấp nhận. Còn về việc cấp dưỡng nuôi con thì anh không đồng ý đóng góp. Còn anh sẽ có trách nhiệm riêng đối với con.

Về tài sản: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và Lê Đình T, chính quyền địa phương cho biết trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng anh T chị A thường xuyên xảy ra cãi nhau, đánh nhau. Chị A đã bế theo con nhỏ bỏ về nhà bố mẹ để sống từ giữa năm 2019 cho đến nay.

Tại biên bản hòa giải cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Bị đơn anh Lê Đình T trình bày anh vẫn còn yêu thương vợ con, nên anh không đồng ý ly hôn, song tại phiên tòa lần thứ hai anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán được phân công, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Căn cứ qui định của pháp luật, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, xét yêu cầu của hai bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đình T. Anh T có nơi cư trú tại Thôn 3, xã Thiệu Vạn, Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Thiệu Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Anh Lê Đình T đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Anh và anh T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và Lê Đình T kết hôn với nhau trên sự tự nguyện, cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị A:

Sau khi kết hôn chị Nguyễn Thị A và Lê Đình T sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn, chỉ vì những va chạm trong cuộc sống hàng ngày, không ai chịu nhường nhịn ai dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng không hạnh phúc, chị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ giữa năm 2019, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị A vẫn cương quyết ly hôn, anh T không đồng ý vì theo A vợ chồng đang còn tình cảm với nhau. Anh T thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân nhau nhưng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hôn nhân. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh chị không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa chị Anh và anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị A, anh T thống nhất vợ chồng có một con chung là Lê Đình Q, sinh ngày 29/8/2018, thời điểm hiện tại, cháu đang ở với chị A. Ly hôn chị A, anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con HĐXX thấy rằng hiện nay cháu Q còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần có sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo cho cháu được phát triển bình thường về mọi mặt, vì vậy cần giao cháu Lê Đình Q cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị A yêu cầu anh Lê Đình T phải có trách nhiệm đóng góp nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000đ. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị A là chính đáng nhưng do anh Lê Đình T hiện tại công việc, thu nhập không cao, nên cân nhắc buộc anh Lê Đình T phải có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp.

- Về tài sản: Chị A, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị A phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Từ những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành theo Nghị quyết.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Lê Đình T.

Về con chung: Giao cháu Lê Đình Q, sinh ngày 29/8/2018 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Buộc anh Lê Đình T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị A mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu Lê Đình Q tròn 18 tuổi.

Anh Lê Đình T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung chị Nguyễn Thị A không được cản trở, ngăn cấm.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị A và Lê Đình T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0005653 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thiệu Hóa, được trừ vào án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Lê Đình T phải nộp 300.000đ.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm theo trình tự bút lục, vắng mặt hai bên đương sự. Tuyên bố chị Nguyễn Thị A và Lê Đình T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận

- Các đương sự
- VKS Thiệu Hoá
- Chi cục thi hành án Thiệu Hoá
- TAND Tỉnh Thanh Hóa
- UBND xã nơi DS ĐKKH
- Lưu hồ sơ vụ án

**T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán**

Lê Văn Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Dũng Tấn

Lê Ngọc HưngLê Văn Hà